

# SO SÁNH QUỐC TẾ CHƯƠNG TRÌNH TIỂU HỌC VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ NƯỚC

(Thông qua một số bộ môn cụ thể)

- TS. ĐỖ TIẾN DAT
- PGS.TS. NGUYỄN THỊ HẠNH
- THS. LƯƠNG VIỆT THÁI ...

*Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục*

## I. Mở đầu

Trên thế giới, việc nghiên cứu so sánh quốc tế về chương trình (CT) luôn được coi trọng vì những nghiên cứu đó cung cấp nhiều thông tin hữu ích giúp cho việc hiểu biết về đặc điểm CT, về việc tổ chức dạy học và kết quả học tập của học sinh (HS) ở nhiều nước trên thế giới, giúp cho mỗi nước có cái nhìn tổng quan hơn khi xây dựng CT của nước mình.

Mỗi nước khi xây dựng CT đều dựa trên truyền thống và đặc điểm riêng của nước mình, vì vậy có các kiểu hình CT khác nhau, chẳng hạn: xây dựng CT theo hướng cá thể hoá; theo hướng nhấn mạnh các quan điểm giáo dục toàn diện, kĩ thuật tổng hợp hoặc các kiểu hình CT độc lập nhưng có chịu ảnh hưởng hay giao thoa của một số xu hướng.

Khi so sánh về thời lượng các môn học (lĩnh vực học tập) người ta thấy các nước Đông Nam Á, Đông Âu và Mỹ La tinh dành thời gian cho việc dạy toán và khoa học nhiều hơn ở các nước khác. Hoặc là với vấn đề: tại thời điểm nào (lớp nào) ở tiểu học thì môn Khoa học được dạy như một môn học riêng biệt hay luôn được dạy tích hợp, các nước cũng có những cách xử lí khác nhau. Có nước coi Toán như môn công cụ nhằm trang bị cho HS các kĩ năng giải quyết vấn đề thực tế trong đời sống hàng ngày, vì vậy nhấn mạnh các hoạt động thực hành. Nhưng cũng có nước xem Toán như một môn học trước hết phải mang tính lí thuyết, nội dung dạy học phải tuân thủ logic chặt chẽ của bộ môn. Nội dung CT học còn liên quan đến những yếu tố khác trong hệ thống giáo dục. Chẳng hạn, nếu còn nhiều HS rời khỏi nhà trường sau khi học hết tiểu học, thì CT phải cung cấp những kiến thức và kĩ năng có tính hoàn chỉnh tương đối và ứng dụng ngay trong thực tiễn đời sống hàng ngày nhưng không quên việc cung cấp những kĩ năng thực hành chuẩn bị cho việc học ở các bậc học tiếp theo.

Các nhà nghiên cứu cũng nhận thấy ảnh hưởng quan trọng của CT Mỹ và các nước Châu Âu tới CT của các nước Châu Á, Mỹ Latinh. Tuy nhiên, họ cũng chỉ ra rằng việc chuyển giao các

kiểu hình (mô hình) CT như vậy có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học tập của HS.

Ngoài việc nghiên cứu so sánh về kiểu hình và cấu trúc của CT, người ta cũng quan tâm nhiều đến việc so sánh quốc tế về chất lượng học tập của HS. Năm 1964, lần đầu tiên cuộc nghiên cứu so sánh quốc tế chất lượng học tập bộ môn Toán (First International Math. Study - FIMS) đã được tiến hành, trong đó có 12 nước tham dự, đánh giá đối tượng HS 13 tuổi và HS năm cuối của trường phổ thông. Cuộc nghiên cứu so sánh lần thứ hai (Second IMS - SIMS) tiến hành năm 1980 - 1982 có 20 nước tham dự. Đáng chú ý hơn cả là nghiên cứu so sánh quốc tế lần thứ ba về chất lượng học tập các môn Toán và Khoa học (TIMSS) tiến hành năm 1995 có hơn 40 nước tham gia, đánh giá trên HS 9 tuổi, 13 tuổi và năm cuối bậc phổ thông. Năm 1999, khi tiến hành kì đánh giá bổ sung cho TIMSS thì đã có trên 60 nước tham dự.

Một ví dụ khác là Dự án "International Project on Mathematical Attainment" (IPMA) do trường Tổng hợp Exeter (Vương quốc Anh) chủ trì, với sự tham dự của 18 nước. Đây là một nghiên cứu so sánh quốc tế về việc dạy và học toán ở nhà trường tiểu học (so sánh kết quả học tập của HS, nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy và chất lượng đào tạo GV tiểu học). Thông qua đó đúc rút và giới thiệu những kinh nghiệm tốt để các nước tham khảo, đồng thời bước đầu nêu lên một số khuyến nghị có tính chất quốc tế nhằm nâng cao chất lượng học tập bộ môn Toán của HS tiểu học.

Một phương tiện chuyển tải quan trọng của CT là sách giáo khoa (SGK), vì vậy việc phân tích SGK là cần thiết để thấy được những ý tưởng của CT, đặc biệt là chuẩn của CT đã được thể hiện cụ thể như thế nào. Chẳng hạn, khi phân tích SGK các nước Nhật, Trung Quốc, Nga ... người ta nhận thấy các chủ đề về phép cộng và phép trừ được bố trí ở các lớp tương đối giống nhau và được dạy sớm hơn so với ở Mỹ. Tuy nhiên việc phân tích SGK còn phụ thuộc vào



mức độ tập trung hoá của CT (chỉ có một bộ SGK dùng chung hay có nhiều bộ SGK khác nhau).

Ở nước ta, trong quá trình nghiên cứu chuẩn bị cho việc soạn thảo CT tiểu học mới, Ban Soạn thảo CT tiểu học mới đã tiến hành nghiên cứu kinh nghiệm trong nước và nước ngoài về phát triển chương trình, đối chiếu, so sánh "chuẩn CT" của nhiều nước. Từ đó xác định các định hướng và nguyên tắc soạn thảo CT tiểu học mới, xác định CT khung của từng môn học. Ngoài ra, các công trình nghiên cứu của các tác giả Nguyễn Hữu Châu ("Những vấn đề cơ bản về Chương trình và quá trình dạy học") - 2005, Đỗ Đình Hoan ("Nghiên cứu các giải pháp chủ yếu đáp ứng những đổi mới của CT tiểu học- 2000") - 2001, Nguyễn Hữu Chí ("Quá trình phát triển lí luận chương trình ở Việt Nam") - 2002 cũng đã đề cập đến vấn đề nghiên cứu so sánh CT và "chuẩn CT".

Mặt khác, khi triển khai CT tiểu học mới, thường nảy sinh những câu hỏi như: CT mới có "nặng" không? "Trình độ CT" của nước ta có "ngang bằng" với các nước trong khu vực và thế giới hay không?

Đề tài "So sánh quốc tế CT tiểu học Việt Nam và một số nước ngoài (thông qua một số bộ môn cụ thể)" nhằm góp phần trả lời các câu hỏi trên và mong muốn có thể đóng góp một số đề xuất đối với quá trình hoàn thiện CT tiểu học mới của Việt Nam.

Tuy nhiên, do mỗi nước đều có truyền thống quốc gia riêng, hệ thống giáo dục cũng không hoàn toàn tương đồng nên nghiên cứu so sánh CT trên bình diện quốc tế là một công việc khá khó khăn.

Có nhiều quan niệm khác nhau về một quy trình tiến hành việc so sánh chương trình nhưng tựu trung bao gồm các bước:

- Xác định so sánh để làm gì? Đạt mục đích gì?
- Tìm hiểu riêng chương trình từng nước về: Mục tiêu; chiến lược dạy học và chuẩn chương trình.

- Nêu đặc điểm cần so sánh.

- Tìm ra các điểm giống nhau và khác nhau.

**II. Mô tả vài nét về GD tiểu học của một số nước trên thế giới.**

**1. So sánh một số đặc điểm của GD tiểu học ở một số nước**

Đặc điểm	B	E	H	J	P	R	S	U	Ma	I	My	V
Tuổi vào học lớp 1.	6	5	6(7)	6	7	6(7)	6	6	7	6(7)	5-9	6
Số năm học ở tiểu học	8	6	6	6	8	3-4	6	6	6	6	5	5
Số tuần học/năm	38,5	38	38	35	?	32	40	36	42	40	30	35
Thời gian học trong ngày	8.00 đến 13.00	8.45 đến 15.00	8.00 đến 12.00	8.45 đến 15.15	8.00 đến 14.00	8.30 đến 12.30	7.30 đến 13.00	8.00 đến 14.00	7.30 đến 13.15	7.00 đến 13.00	9.30 đến 15.30	7.30 đến 11.30
CT quốc gia.	x	x	x	x	x	X	x	0	x	X	x	X
Đánh giá quốc gia.	x	x	x	0	0	X	x	0	x	0	x	0
Số môn GV phải dạy	7-9	10	8	7	?	5-6	3	?	10	8	4	9
GV chuyên biệt (Nhạc - Hoạ - Tục - N. ngữ).	x	0	?	x	x	X	0	x	x	X	x	0
Bình quân số HS/lớp	25 - 35	20 - 30	15 - 30	25 - 35	25 - 35	25 - 30	35 - 45	20 - 30	15 - 50	30 - 40	?	35
HS lưu ban	0	0	x	0	x	X	0	0	0	X	0	0
Phần lớn các trường kết nối Internet	0	0	0	0	0	0	x	0	0	0	0	0

**Bảng 1**

Chú thích: B - Brazil; E - Anh quốc; H - Hungary; J - Nhật bản; P - Ba lan; R - Nga; S - Singapore; U - Hoa kì; Ma - Malaysia; I - Indonesia; My - Myanmar; V - Việt nam.

2. So sánh phân bố thời lượng (tính theo giờ)

Nước	Môn học	Toán	Tiếng mẹ đẻ	Nghiên cứu tự nhiên và xã hội	Nghệ thuật	Thể dục	Ghi chú
Pháp	Lớp 1 - 5	908 (*)	1403	875	495	495	Số giờ (60')
		182 (**)	281	175	99	99	
Australia (Queensland)	Lớp 1-7	827	947	600	467	280	Số giờ (60')
		118	135	857	67	60	
Canada (Saskatchewan)	Lớp 1-5	17,5	46,7	25	16,7	12,5	Số giờ (60')/ tuần
		3,5	9,3	5	3,3	2,5	
Trung Quốc	Lớp 1-5	657	1111	317	499	295	Số giờ (60')
		131	222	63	100	59	
Nhật	Lớp 1-6	758	1201	785	627	470	Số giờ (60')
		126	200	131	105	78	
Hàn Quốc	Lớp 1-6	533	865	757	891		Số giờ (60')
		89	144	126	148		
Singapore	Lớp 1-6	1120	1720	560	440	320	Số giờ (60')
		187	287	93	73	53	
Malaysia	Lớp 1-6	819	1463	293	234	293	Số giờ (60')
		137	244	49	39	49	
Indonesia	Lớp 1-6	1528	1528	1224	344	344	Số giờ (60')
		255	255	204	57	57	
Việt nam	Lớp 1-5	490	939	245	265	184	Số giờ (60')
		98	188	49	53	37	

Bảng 2

Ghi chú: (\*) Dòng in thẳng là tính tổng thời lượng cho toàn cấp tiểu học.

(\*\*) Dòng in nghiêng là tính thời lượng trung bình cho một năm.

Qua các bảng trên có thể rút ra một số nhận xét sau:

2.1. +) Ở hầu hết các nước, số năm học tiểu học là 5 hoặc 6 năm (tuỳ theo điều kiện và truyền thống giáo dục). Hiện còn rất ít nước quy định số năm học tiểu học là 3 hoặc 4 năm; +) Phần lớn các nước có số tuần học/năm từ 38 đến 40 tuần (Việt Nam là một trong số ít nước học từ 35 tuần trở xuống); +) Thời gian học trong ngày ở phần lớn các nước là từ 5 đến 6 giờ, nghĩa là từ 300 đến 360 phút. ở Việt Nam: thời lượng học của các lớp 1 buổi/ ngày vào khoảng 240 phút (có thể không đủ 240 phút), các lớp học 2 buổi/ngày vào khoảng từ 300 đến 360 phút.

2.2. +) Hầu hết các nước đều có CT quốc gia thống nhất (nhưng có thể có nhiều bộ SGK khác nhau); +) Số môn học: khoảng từ 7 đến 10 môn, một số nước phân chia thành môn cốt lõi (Tiếng mẹ đẻ, Toán và Khoa học) và môn nền tảng (các môn còn lại); +) GV nói chung phải dạy đủ tất cả các môn, cũng có nước bố trí được GV dạy các môn chuyên biệt như: Hoa - Nhạc, Thể dục, Ngoại ngữ và Tin học; +) Bình quân số HS/lớp vào khoảng từ 25 đến 30 HS.

2.3. CT tiểu học mới của Việt Nam đã tiếp cận với những xu thế chung của thế giới là: bảo

đảm tính toàn diện và cân đối; tính phổ cập và phát triển; tính thiết thực và cập nhật. Tuy nhiên thời lượng dạy học (so sánh tuyệt đối) ở toàn cấp Tiểu học của từng môn cũng như của tất cả các môn ở Việt Nam so với một số nước khác chỉ bằng 1/3 hoặc 1/2.

III. So sánh chương trình các môn: Toán, Khoa học và Tiếng mẹ đẻ giữa Việt Nam và một số nước

1. Môn Toán

1.1. Mục tiêu dạy học bộ môn Toán của CT tiểu học Việt Nam và các nước đều nhấn mạnh đến việc cung cấp kiến thức, kĩ năng cơ bản có nhiều ứng dụng trong đời sống thực tiễn (ngoài các tuyến kiến thức truyền thống như số - hình - đại lượng thông dụng, hầu hết các nước đều giới thiệu một số yếu tố thống kê đơn giản).

Song song với việc rèn luyện kĩ năng thực hành tính toán và đo lường, môn Toán còn rèn luyện cho HS khả năng diễn đạt đúng (nói và viết); khả năng phát hiện và thực hành giải quyết vấn đề gắn với đời sống thực tế (của HS); phát triển năng lực tư duy và trí tưởng tượng không gian; phát triển niềm tin vào bản thân trong học tập.

1.2. Nhìn chung, cấu trúc CT của các nước bao gồm các lĩnh vực kiến thức (các mạch kiến

thức) chủ yếu là: Số và các yếu tố Đại số; Hình học và Đo lường; Sử dụng và áp dụng toán học (giải các bài toán có lời văn); Các yếu tố thống kê (Xử lí số liệu). Trong đó tuyến kiến thức số học được lấy làm trọng tâm và kết cấu theo kiểu vòng xoay tròn ốc. Các mạch kiến thức khác hỗ trợ cho số học và gắn bó chặt chẽ, tích hợp với nhau, tạo điều kiện để HS được thường xuyên ôn tập, củng cố.

1.3. CT các nước thể hiện khác nhau chủ yếu ở cấu trúc tuyến kiến thức số học (số và phép tính). Việc kết cấu theo các vòng số (ví dụ, Pháp: 20, 50, 100, 200, 500, 1000...; Singapore: 10, 20, 40, 100, 1000, 10000...; Việt Nam: 10, 100, 1000, 10000, 100000 ...) không chỉ đơn thuần thể hiện quan điểm về dạy đếm hay dạy nhận thức số, mà còn thể hiện yêu cầu thực hành tính nhẩm và tính viết, cũng như quan điểm tích hợp với các mạch kiến thức khác và yêu cầu rèn luyện kĩ năng giải quyết vấn đề.

1.4. Một số xu hướng dạy học Toán hiện nay đang được các nước quan tâm:

- Dạy học "tập trung vào HS" và dạy học "giải quyết vấn đề".

- Tăng cường tính thực hành, luyện tập

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường.

- Xây dựng chương trình quốc gia thống nhất và dạy học dựa trên chuẩn (nhưng có nhiều bộ SGK thể hiện chương trình).

- Tập trung vào cấu trúc nội dung chương trình hợp lí chứ không nên dạy học môn Toán một cách quá đơn giản theo hướng lược bỏ các thao tác trí tuệ.

- Coi trọng phát triển hứng thú và niềm tin cho HS trong học tập bộ môn toán.

1.5. CT tiểu học mới của Việt Nam đã tiếp cận với những xu thế nói trên. Tuy nhiên việc ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường còn đang ở giai đoạn thăm dò, tự phát, chưa có chỉ đạo chiến lược thống nhất.

## 2. Môn Khoa học

2.1. Quan điểm xây dựng nội dung: +) tích hợp; +) liên môn; +) phù hợp, thiết thực, gắn với đời sống và kinh nghiệm của trẻ; +) hình thành và phát triển các kĩ năng tiến trình, các kĩ năng giao tiếp, hợp tác, đánh giá.

2.2. Các mạch nội dung: Hầu hết các nước đều đề cập tới các nội dung thuộc các lĩnh vực: Sinh vật (động vật, thực vật); Hoá học (vật chất và các tính chất, biến đổi của vật chất); Vật lí học (ánh sáng, nhiệt, điện, ...); Trái Đất và bầu trời.

2.3. +) Nhấn mạnh quan điểm học qua hoạt động tích cực tìm tòi khám phá; +) Chú ý cho HS tương tác với môi trường tự nhiên, có kinh nghiệm trực tiếp với thế giới vật chất; +) Khuyến khích HS thảo luận, trình bày ý tưởng, giải thích, tham gia giải quyết vấn đề; +) Ứng dụng CNTT và các phương tiện hiện đại trong dạy học.

2.4. Trong CT tiểu học mới của Việt Nam, môn Khoa học đã tiếp cận được những xu thế tiến bộ trong phát triển chương trình, cụ thể là: +) Tích hợp các nội dung của khoa học tự nhiên (vật lí, hoá học, sinh học) với khoa học về sức khoẻ; +) Coi trọng thực hành, vận dụng: hình

thành và phát triển các kĩ năng trong học tập khoa học và kĩ năng vận dụng kiến thức khoa học vào cuộc sống; +) Tăng cường mối quan tâm tới các vấn đề toàn cầu như môi trường, HIV/AIDS, ...; +) Tổ chức các hoạt động học tập tích cực, tự lực tìm tòi phát hiện kiến thức, thực hành những hành vi có lợi cho sức khoẻ cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Tuy vậy, CT tiểu học Việt Nam, môn Khoa học còn một số hạn chế: +) Nhìn chung nội dung còn thấp; +) Phần thí nghiệm, thực hành còn hạn chế; +) Thời lượng dành cho môn Khoa học còn ít. +) Điều kiện về cơ sở vật chất (ví dụ: dụng cụ thí nghiệm) và các điều kiện khác hỗ trợ cho GV trong dạy học môn khoa học còn hạn chế.

## 3. Tiếng mẹ đẻ (Tiếng Việt)

3.1. Việc biên soạn chương trình Tiếng Việt (tiểu học) đã bước đầu cập nhật với cách làm của xu thế chung trên thế giới là: +) Biên soạn chương trình khung; +) Xây dựng chuẩn chương trình; +) Bảo đảm tính liên thông, tính hệ thống trong cả bậc học phổ thông.

3.2. Nội dung học tập thiết thực với HS hơn, giúp cho các em phát triển toàn diện năng lực giao tiếp và năng lực dùng tiếng Việt làm công cụ để học tập; khắc phục được nhược điểm cơ bản của chương trình dạy tiếng Việt trước đây: dạy đọc tỉ mỉ các tác phẩm văn chương, dạy tri thức tiếng Việt theo lối hàn lâm.

3.3. Hiện nay văn bản "Chương trình GDPT" trong đó có nêu "Chuẩn kiến thức, kĩ năng môn tiếng Việt" đang được hoàn thành. Đây là cơ sở để các tác giả viết và điều chỉnh sách giáo khoa, là cơ sở để các nhà quản lí giáo dục đánh giá kết quả học tập của HS.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD&ĐT: Chương trình tiểu học(2001).
2. Bộ GD&ĐT: Chương trình giáo dục phổ thông - Môn Toán (Dư thảo), (2005).
3. Ban Chỉ đạo thử nghiệm CT tiểu học - 2000: Giới thiệu báo cáo của các chuyên gia quốc tế về Đánh giá CT tiểu học - 2000, Hà Nội, 1999.
4. Đề tài cấp Bộ: Nghiên cứu các giải pháp chủ yếu đáp ứng những đổi mới của CT tiểu học-2000; Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Đỗ Đình Hoan.
5. GS.TS. Nguyễn Hữu Châu: Những vấn đề cơ bản về Chương trình và quá trình dạy học, NXB GD, 2005.
6. CT tiểu học(Tiếng Nga), Matxcova, 2000.
7. English in the National Curriculum in England and Wale, 1998.
8. <http://www.nc.uk.net>: About the National Curriculum
9. Website of Ministry of Education, Culture, Sports, Science and Technology: <http://www.mext.go.jp/>

## SUMMARY

The article compares the primary curriculum of Vietnam with the primary curricula of some countries in the world in which the following subjects are mentioned and discussed: mathematics, sciences and mother tongue